TÒA ÁN ND HUYỆN LẠNG GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH BẮC GIANG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18 /2022/HNGĐ-ST.
Ngày 08/4/2022.
V/v tranh chấp hôn nhân, gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, BẮC GIANG

***Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán Sơ cấp - chủ toạ phiên toà*: Bà Trần Thị Hằng.

- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Chu Quốc Đạt và ông Nguyễn Quang Vinh.

- ***Thư ký ghi biên bản phiên toà*:** Bà Ngô Thị Thủy – Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện VKS nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết - Kiểm sát viên Sơ cấp.

Ngày 08/4/2022 tại trụ sở toà án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2021/TLST-HNGĐ ngày 16/11/2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/02/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-DS ngày 10/3/2022, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị T, sinh năm 1987 – (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Ngọc Sơn, xã Quang Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

+ **Bị đơn:** Anh Thái Văn H, sinh năm 1985 – (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Ngọc Sơn, xã Quang Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- **Tại đơn khởi kiện** tranh chấp hôn nhân gia đình ghi ngày 07/10/2021 và bản tự khai tiếp theo nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày: Chị và anh Thái Văn H kết hôn ngày 05/12/2006, trước khi cưới có tìm hiểu thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Thịnh, huyện Lạng Giang. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc từ khi cưới đến tháng 10 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng về quan điểm, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi chửi nhau và đã sống ly thân từ tháng 6/2021 đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn nên chị thiết tha đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh Thái Văn H.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là Thái Văn K, sinh ngày 28/6/2007. Hiện tại con phát triển bình thường và đang do anh H nuôi dưỡng. Nay vợ chồng ly hôn chị nhất trí tùy theo nguyện vọng của con chung, về cấp dưỡng nuôi con chung tự vợ chồng chị thỏa thuận, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Trước phiên tòa hôm nay chị Lê Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

+ Bị đơn anh Thái Văn H: Do anh H không hợp tác nên không có lời khai. Toà án nhân dân huyện Lạng Giang đã đến tại địa phương và gia đình anh H và tiến hành niêm iết các loại tục tố tụng theo quy định của pháp luật đầy đủ, hợp lệ và đúng trình tự pháp luật. Tại phiên toà hôm nay anh H vắng mặt.

+ Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật củaThẩm phán và HĐXX: Thẩm phán và thư ký trong quá trình giải quyết vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật. Thẩm phán xác định đúng mối quan hệ tranh chấp. Việc giao gửi các văn bản tố tụng và hồ sơ cho VKS nghiên cứu đầy đủ, đúng quy định; HĐXX thực hiện đúng quy định của pháp luật;

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn anh Thái Văn H không chấp hành đúng quy định của pháp luật, không hợp tác, không đến Tòa án để làm việc mặc dù đã được Tòa án giao đầy đủ các thủ tục tố tụng tại gia đình và địa phương theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bị đơn anh Thái Văn H vẫn vắng mặt lần thứ hai.

- Về quan điểm đường lối giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật HNGĐ năm 2015. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án, Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Thái Văn H.

Về con chung: Xử giao anh Thái Văn H tiếp tục nuôi con chung là Thái Văn K, sinh ngày 28/6/2007. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nếu anh H có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

- Những yêu cầu, kiến nghị khác: Không.

XÉT THẤY

- Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thủ tục tố tụng và tiền tố tụng****:* Xác định đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Ninh Thị Nga là hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đúng quy định. Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn anh Thái Văn H đã được Tòa án tống đạt quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị T vắng mặt nhưng đã có đơn xin được xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần thứ hai, do vậy HĐXX xử vắng mặt đương sự, căn cứ Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] ***Về thẩm quyền giải quyết vụ án*****:** Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình, các đương sự có địa chỉ cư trú tại huyện Lạng Giang. Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang giải quyết là đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định của pháp luật được quy định tại các Điều 26; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] ***Về căn cứ áp dụng pháp luật***: Do các bên kết hôn với nhau đã đủ điều kiện kết hôn và đã có giấy chứng nhận kết hôn hợp pháp, do vậy áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Hôn nhân gia đình 2014 để giải quyết.

[4] ***Về nội dung vụ kiện*****:**

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị T và anh Thái Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến tháng 10 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày tính tình không hợp, thường xuyên bất đồng về quan điểm, vợ chồng đã cắt đứt quan hệ từ tháng 6 năm 2021 đến nay, hiện tại chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, phía anh H cố tình không hợp tác khi Tòa án giải quyết vụ án. Qua điều tra xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện hiện tại anh H đi làm Công ty ở Bắc Giang, anh H có được gia đình giao lại các văn bản tố tụng của Tòa án, tuy nhiên anh H cố tình không hợp tác, không đến Tòa án làm việc. Do vậy Tòa án không lấy được lời khai của anh H.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã trầm trọng, vợ chồng chị T, anh H đã có thời gian sống ly thân với nhau từ tháng 6 năm 2021 đến nay, phía chị T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, anh H cố tình không đến Tòa án để làm việc và cũng không gọi điện hoặc có thông tin gì với chị T nên mục đích của hôn nhân không còn đạt được. Do vậy cần giải quyết cho chị Lê Thị T được ly hôn với

anh Thái Văn H là phù hợp với các Điều 51; Điều 56; Điều 58 luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Vợ chồng chị Lê Thị T, anh Thái Văn H có 01 con chung là Thái Văn K, sinh ngày 28/6/2007. Hiện tại con phát triển bình thường và đang do anh Thái Văn H chăm sóc nuôi dưỡng. Nguyện vọng của cháu Kiên xin được ở với bố, phía chị T có quan điểm tùy theo nguyện vọng của con chung. Do anh H không hợp tác nên HĐXX không thể biết được quan điểm, nguyện vọng của anh H về việc nuôi con chung, tuy nhiên hiện tại cháu Kiên đang học lớp 11 và có mong muốn được ở với bố, mặc dù Tòa án không thu thập được chứng cứ chứng minh được tài sản thu nhập của anh H, nhưng thể theo nguyện vọng của con chung và qua xác minh lời khai của bố đẻ anh H xác định được anh H hiện tại đang làm việc gần nhà, sáng đi tối về và vẫn quan tâm đến con chung. Để đảm bảo ổn định việc học tập của cháu Kiên cần thể theo nguyện vọng của cháu mà không cần xáo trộn người chăm sóc nuôi dưỡng. Do vậy HĐXX xét cần tiếp tục giao con chung của vợ chồng cho anh H nuôi dưỡng, vấn đề đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung sau này nếu anh H có nguyện vọng và có đơn yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện tranh chấp về yêu cầu đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn, xét là phù hợp Điều 81; Điều 82 và Điều 83 luật hôn nhân gia đình.

[4.3] Về tài sản, ruộng canh tác: Chị Lê Thị T không đề nghị do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của BLTTDS.

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 58; khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật HNGĐ. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

[1] **Quan hệ hôn nhân**: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Thái Văn H.

[2] **Con chung**: Xử giao cho anh Thái Văn H tiếp tục nuôi con chung là Thái Văn K, sinh ngày 28/6/2007. Vấn đề đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nếu anh H có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện tranh chấp về yêu cầu đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Sau khi ly hôn chị Lê Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] **Án phí**: Chị Lê Thị T phải phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0002886 ngày 02/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày nhận được tống đạt bản án vắng mặt hoặc được niêm yết công khai bản án./.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Thi hành án;
- UBND xã.
- Các đương sự.
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hằng